

Bản án số: 80/2024/HS-PT

Ngày: 23/5/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Đặng Văn Quyết

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Hải Vinh

Bà Trần Thị Hà

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị Hải Yến - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện VKSND tỉnh Bắc Giang tham gia phiên toà: Ông Hoàng T - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 22 và 23/5/2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 28/TLPT-HS ngày 08 tháng 01 năm 2024 đối với các bị cáo **Liêu Văn H**, **Khổng Trọng L**, **Thân Đức S**, **Lương Văn S1**, do có kháng cáo của các bị cáo **Thân Đức S**, **Lương Văn S1**, **Liêu Văn H**, **Khổng Trọng L** đối với bản án hình sự sơ thẩm số 237/2023/HSST ngày 11/12/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

- Bị cáo có kháng cáo:

1. Họ và tên: **Liêu Văn H**, sinh năm 1988.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở: **Thôn Đ, xã H, huyện L, tỉnh Bắc Giang**

Nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: 9/12; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; con ông **Liêu Văn L1**, sinh năm 1960 (đã chết) và bà **Tây Thị T1**, sinh năm 1960; có vợ: **Vy Thị H1**, sinh năm 1990 và có 02 con (lớn sinh năm 2010, nhỏ sinh năm 2012).

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ từ ngày 27/6/2023 đến ngày 06/7/2023 được áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

2. Họ và tên: **Khổng Trọng L**, sinh năm 1995

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: **Thôn C, xã T, huyện B, tỉnh Hà Giang**

Tại thời điểm xét xử bị cáo đang tạm trú tại: **Thôn D, xã Đ, huyện T, tỉnh Bắc Ninh**

Nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; con ông **Khổng Quốc B**, sinh

năm 1962 (đã chết) và Nguyễn Thị T2, sinh năm 1963 (đã chết); có vợ: Đinh Hồng T3, sinh năm 1996 và có 01 con sinh năm 2020

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ từ ngày 02/7/2023 đến ngày 06/7/2023 được áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

3. Họ và tên: Thân Đức S, sinh năm 1997.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở: Thôn T, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang

Nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: 9/12; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; con ông Thân Văn B1, sinh năm 1972 và bà Tạ Thị T4, sinh năm 1975; có vợ: Hoàng Thị T5, sinh năm 1999 và có 01 con sinh năm 2023.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ từ ngày 27/6/2023 đến ngày 06/7/2023 được áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

4. Họ và tên: Lương Văn S1, sinh năm 1996

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở: Thôn L, xã Y, huyện H, tỉnh Lạng Sơn

Nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; con ông Lương Văn D, sinh năm 1967 và bà Lương Thị C, sinh năm 1974; có vợ: Bùi Thị T6, sinh năm 1997 và có 02 con (lớn sinh năm 2019, nhỏ sinh năm 2022).

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ từ ngày 27/6/2023 đến ngày 06/7/2023 được áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

- Người bào chữa cho bị cáo Lương Văn S1: Bà Thân Thị Thúy Vân - Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh B (có mặt)

- Người bào chữa cho bị cáo Liêu Văn H, Khổng Trọng L: Luật sư Hoàng Thị Bích L2, Võ Thị An B2 – V1 – Đoàn luật sư tỉnh B. (Luật sư L2 có mặt, luật sư B2 vắng mặt)

Trong vụ án còn có bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không kháng cáo, không liên quan đến kháng cáo nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Liêu Văn H, Khổng Trọng L, Thân Đức S và Lương Văn S1 đều là nhân viên công ty TNHH S2 có địa chỉ tại xã S, thành phố B (H là quản lý bộ phận SSC, L là tổ trưởng tại bộ phận SSC xưởng B2 còn Lương Văn S1 và Thân Đức S là nhân viên bảo an). Khoảng tháng 5/2023, Liêu Văn H phát hiện thấy có nhiều đồng (loại đồng mạ thiếc phế liệu đã qua sử dụng để sản xuất trong các bao tải) của Công ty TNHH S2 để bên trong khu SSC xưởng B2 nên nảy sinh ý định trộm cắp. H rủ L cùng trộm cắp thì L đồng ý tham gia. H nói với L dùng xe nâng

của Công ty để vận chuyển pallet đồng phế liệu ra bên ngoài xưởng B2 cất giấu sau đó sẽ tìm cách vận chuyển ra bên ngoài rồi bán lấy tiền. Một ngày sau, L dùng xe nâng của Công ty chuyển 01 pallet chứa 01 bao tải đựng đồng mạ thiếc phế liệu nặng khoảng hơn 400 kg từ bên trong xưởng B2 đem cất giấu tại khu vực gần tường rào cách xưởng B2 khoảng 30m và lấy bạt che lại. Sau đó, L thông báo cho H biết là đã trộm cắp được một bao đồng.

Ngày 16/6/2023, Không Trọng L và Liêu Văn H ngồi uống nước cùng Thân Đức S tại quán nước gần Công ty thì L và H rủ S tham gia trộm cắp, mang đồng phế liệu ra ngoài bán (vì S là nhân viên bảo an nên được phép ra vào cổng mà không bị kiểm tra). Thân Đức S đồng ý và nói sẽ rủ thêm một người khác cũng làm nhân viên bảo an cùng tham gia, tiền bán đồng sẽ chia cho bốn người thì L và H đồng ý. Sau đó, Thân Đức S rủ Lương Văn S1 cũng là nhân viên bảo an cùng trộm cắp thì Lương Văn S1 đồng ý tham gia. Sau khi thống nhất thì H, L làm nhiệm vụ chia đồng, đóng sang bao nhỏ và cất giấu trong ca làm việc, Thân Đức S và Lương Văn S1 sẽ đến lấy bao đồng mang về xưởng B6, đợi khi hết giờ làm việc thì Thân Đức S sẽ mang ra ngoài bán. Từ ngày 19/6/2023 đến ngày 26/6/2023 các bị cáo đã cùng nhau thực hiện liên tục, kế tiếp nhau về mặt thời gian các vụ trộm cắp tài sản như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng gần 19 giờ ngày 19/6/2023 do Không Trọng L nghỉ phép nên Liêu Văn H một mình đi ra khu vực cất giấu đồng trước đó rồi dùng 01 chiếc cào kim loại và 01 hộp kim loại để san đồng phế liệu từ bao tải trắng vào 01 bao tải dứa màu vàng sau đó đặt lên xe đẩy vận chuyển ra vị trí gần hàng rào đầu xưởng X1 cách đó khoảng 17 m cất giấu. Sau đó, H quay vào nói cho Thân Đức S biết việc đã chuyển bao đồng ra để cạnh hàng rào ở đầu xưởng X1 và bảo S đến lấy. Trước đó trong lúc làm việc, Thân Đức S đã bàn với Lương Văn S1 hẹn đến tối sử dụng xe máy để đi sang xưởng B2 lấy bao đồng cho vào cốp xe rồi chở sang nhà B để mang đi bán. Khoảng 23 giờ 45 phút cùng ngày, Lương Văn S1 điều khiển xe mô tô biển số 98B2 – 941.45 (là xe của Thân Đức S) đi đến vị trí cất giấu đồng nhưng do thấy vẫn có người đang làm việc ở gần đó nên chưa dám trộm cắp. Khoảng gần 01 giờ ngày 20/6/2023, Thân Đức S đi xe mô tô đến vị trí cất giấu lấy bao đồng cho vào trong cốp xe rồi đi đến xưởng B6 cất xe. Khoảng 03 giờ cùng ngày, S đi xe về nhà cất bao đồng tại nhà ngang rồi quay lại công ty làm việc. Buổi sáng cùng ngày, S đi làm về nhà nhờ mẹ đẻ là bà Tạ Thị T4 giúp bán đồng. S nói với bà T4 là mua được đồng phế liệu và nhờ bà T4 bán giúp. S cân bao đồng thấy có khối lượng 18,5 kg. S biết giá đồng phế liệu thu mua là 100.000 đồng/1kg nên buổi tối cùng ngày khi đến công ty làm việc thì S thông báo cho H biết số đồng trộm cắp được là 18,5 kg, bán được 1.850.000 đồng. S chia cho H 800.000 đồng, chia cho Lương Văn S1 500.000 đồng. Do L đang nghỉ phép H giữ lại phần tiền của L.

Kết luận định giá tài sản số 124 ngày 04/7/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự **thành phố B** kết luận 18,5 kg đồng mạ thiếc, loại đồng phế liệu trị giá tại thời điểm ngày 20/6/2023 là **1.850.000 đồng**.

Vụ thứ hai: Khoảng 19 giờ ngày 20/6/2023 bằng phương thức như lần trước, **Liêu Văn H** đi ra khu vực cất giấu đồng lấy 01 bao tải chứa đồng phế liệu rồi cầm ra để ở vị trí gần hàng rào đầu xưởng X1 sau đó nói cho **Thân Đức S** biết. Khoảng 01 giờ 30 phút ngày 21/6/2023, **Thân Đức S** đi xe mô tô biển số 98B2 – 941.45 đến vị trí **H** cất giấu, bê bao đồng cho vào trong cốp xe rồi đi về xưởng B6. Khoảng 03 giờ cùng ngày trong lúc giải lao, **S** đi xe mô tô chở bao đồng về nhà cất giấu tại nhà ngang rồi quay lại làm việc. Buổi sáng cùng ngày, **S** nhờ bà **T4** bán đồng giúp. **S** cân bao đồng xác định khối lượng là 21,5 kg. Bà **T4** mang số đồng này đến bán cho chị **Phạm Thị Y** được 4.000.000 đồng sau đó đưa tiền cho **S**. Buổi chiều cùng ngày, **S** báo cho **H** biết số đồng lấy được là 21,5 kg, bán được 2.150.000 đồng. **S** chia cho **H** 1.000.000 đồng, chia cho **Lương Văn S1** 500.000 đồng. Do **L** nghỉ phép nên **H** vẫn giữ lại phần tiền của **L**.

Kết luận định giá tài sản số 124 ngày 04/7/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự **thành phố B** kết luận 21,5 kg đồng mạ thiếc, loại đồng phế liệu trị giá tại thời điểm ngày 21/6/2023 là **2.150.000 đồng**.

Vụ thứ ba: Khoảng 19 giờ ngày 21/06/2023, **Liêu Văn H** đi ra khu vực cất giấu đồng lấy được 01 bao tải chứa đồng phế liệu, dùng tay xách ra để ở vị trí gần hàng rào đầu xưởng X1 rồi thông báo cho **Thân Đức S** biết. Khoảng 00 giờ 33 phút ngày 22/6/2023, **Lương Văn S1** đi xe máy biển số 98B2 – 941.45 đến vị trí cất giấu bê bao đồng cho vào trong cốp xe và đi về xưởng B6. Khoảng 03 giờ cùng ngày, **Thân Đức S** đi xe mô tô về nhà cất bao đồng tại nhà ngang rồi quay lại làm việc. Buổi sáng cùng ngày sau khi làm việc ở **công ty X**, **S** về nhà nhờ bà **T4** giúp bán đồng. **S** cân bao đồng xác định khối lượng là 25 kg. Buổi chiều cùng ngày, **S** báo cho **H** biết số đồng lấy được là 25 kg, bán được 2.500.000 đồng. **S** tự ứng tiền chia cho **H** 1.200.000 đồng, chia cho **Lương S1** 600.000 đồng. Sau đó, **H** chia cho **L** 1.500.000 đồng là phần tiền bán đồng trộm cắp của ba ngày.

Kết luận định giá tài sản số 124 ngày 04/7/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự **thành phố B** kết luận 25 kg đồng mạ thiếc, loại đồng phế liệu trị giá tại thời điểm ngày 22/6/2023 là **2.500.000 đồng**.

Vụ thứ tư: Khoảng 17 giờ ngày 22/6/2023, **Khổng Trọng L** và **Liêu Văn H** cùng nhau đi ra khu vực cất giấu đồng. **L** dùng 01 chiếc cào kim loại và 01 hộp kim loại san đồng phế liệu cho vào 02 bao tải chứa, dùng tay xách ra để ở vị trí gần hàng rào đầu xưởng X1 còn **H** đứng canh giới. Sau đó, **H** nói cho **Thân Đức S** biết. Khoảng 00 giờ 36 phút ngày 23/6/2023, **Thân Đức S** đi xe mô tô biển số 98B2 – 941.45 đến vị trí cất giấu lấy 01 bao đồng bê vào trong cốp xe rồi đi đến xưởng B6 và nói cho **Lương Văn S1** biết vẫn còn 01 bao đồng chưa lấy. Một lúc sau, **Lương Văn S1** đi xe mô tô biển số 98B2 – 941.45 đến lấy nốt

bao đồng còn lại đặt vào trong cốp xe rồi đi về xưởng B6. Khoảng 03 giờ, **Thân Đức S** đi xe về nhà cất 02 bao đồng tại nhà ngang rồi quay lại làm việc. Buổi sáng cùng ngày, **S** cân kiểm tra 02 bao đồng thấy có khối lượng lần lượt là 18 kg và 17 kg. **S** nhờ bà **T4** giúp mang đi bán. Bà **T4** mang số đồng này bán cho chị **Phạm Thị Y** được 6.000.000 đồng và đưa lại tiền cho **S**. Buổi tối cùng ngày, **S** báo cho **H** biết số đồng lấy được là 35 kg, bán được 3.500.000 đồng. **S** chia cho **H** 1.600.000 đồng, chia cho **Lương Văn S1** 900.000 đồng. **H** chia cho **L** 400.000 đồng.

Kết luận định giá tài sản số 124 ngày 04/7/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự **thành phố B** kết luận:

- 18 kg đồng mạ thiếc, loại đồng phế liệu trị giá tại thời điểm ngày 23/6/2023 là 1.800.000 đồng.

- 17 kg đồng mạ thiếc, loại đồng phế liệu trị giá tại thời điểm ngày 23/6/2023 là 1.700.000 đồng.

Tổng cộng: **3.500.000 đồng**

Vụ thứ năm: Khoảng 16 giờ 18 phút ngày 23/06/2023, **L** và **H** cùng nhau đi ra khu vực cất giấu đồng. **L** chia đồng vào một bao tải dứa, dùng tay xách ra để ở vị trí gần hàng rào đầu xưởng X1 còn **H** đứng canh giới. Sau đó, **H** nói cho **Thân Đức S** biết. Khoảng 22 giờ 35 phút cùng ngày, **Thân Đức S** đi xe máy biển số 98B2 – 941.45 đi đến vị trí cất giấu bê bao đồng cất vào trong cốp xe và đi về xưởng B6. Khoảng 03 giờ, **Thân Đức S** đi xe về nhà cất bao đồng tại nhà ngang rồi quay lại làm việc. Buổi sáng ngày 24/6/2023, **S** cân đồng lên xác định khối lượng là 19 kg và nhờ bà **T4** giúp bán. Buổi tối cùng ngày khi đến công ty làm việc, **Thân Đức S** báo cho **H** biết số đồng lấy được là 19 kg, bán được 1.900.000 đồng. **S** chia cho **H** 900.000 đồng, chia cho **Lương Văn S1** 500.000 đồng. **H** chia cho **L** 400.000 đồng.

Kết luận định giá tài sản số 124 ngày 04/7/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự **thành phố B** kết luận 19 kg đồng mạ thiếc, loại đồng phế liệu trị giá tại thời điểm ngày 23/6/2023 là **1.900.000 đồng**.

Vụ thứ sáu: Khoảng 16 giờ 12 phút ngày 24/06/2023, **L** và **H** cùng nhau đi ra khu vực cất giấu đồng. **L** chia đồng vào 02 bao tải dứa, dùng tay xách ra để ở vị trí gần hàng rào đầu xưởng X1 còn **H** đứng canh giới. Sau đó, **H** nói cho **Thân Đức S** biết. Khoảng 00 giờ 37 phút ngày 25/6/2023, **S** đi xe mô tô biển số 98B2 – 941.45 đến vị trí cất giấu lấy 02 bao đồng bê vào trong cốp xe rồi đi quay lại xưởng B6. Khoảng 03 giờ, **S** đi xe về nhà cất 02 bao đồng tại nhà ngang rồi quay lại làm việc. Buổi sáng cùng ngày, **S** đi làm về nhà cân 02 bao đồng thấy có khối lượng lần lượt là 15,7 kg và 16 kg đồng, **S** nhờ bà **T4** giúp mang đi bán. Bà **T4** mang số đồng này đến bán cho chị **Phạm Thị Y** được 5.070.000 đồng và đưa lại tiền cho **S**. Buổi chiều cùng ngày khi đến công ty làm việc, **S** báo cho **H** biết số đồng lấy được là 31,7 kg, bán được 3.170.000 đồng. **S** chia cho **H** 1.500.000 đồng, chia cho **Lương Văn S1** 800.000 đồng. **H** chia cho **L** 700.000 đồng.

Kết luận định giá tài sản số 124 ngày 04/7/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự **thành phố B** kết luận:

- 15,7 kg đồng mạ thiếc, loại đồng phế liệu trị giá tại thời điểm ngày 25/6/2023 là 1.570.000 đồng.

- 16 kg đồng mạ thiếc, loại đồng phế liệu trị giá tại thời điểm ngày 25/6/2023 là 1.600.000 đồng.

Tổng cộng: 3.170.000 đồng

Ngày 27/6/2023, Công ty S2 kiểm tra phát hiện bị trộm cắp đồng phế liệu nên có đơn trình báo. Cùng ngày, Liêu Văn H, Khổng Trọng L, Thân Đức S, Lương Văn S1 đầu thú và khai nhận hành vi phạm tội trộm cắp đồng phế liệu của Công ty S2. Cơ quan điều tra khám xét khẩn cấp nơi ở của Thân Đức S tại thôn T, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang nhưng không thu giữ đồ vật, tài sản gì.

Ngày 27/6/2023, Cơ quan điều tra kiểm tra hiện trường xác định: Tại vị trí cách tường phía Tây Nam 31,2m của xưởng SSC để một giá nhựa màu xanh bên trong để một bao tải màu trắng có vết rách. Kiểm tra trong bao tải này phát hiện 05 bao dứa màu vàng bên trong mỗi bao dứa đều có dây đồng; cân kiểm tra có khối lượng lần lượt mỗi bao là 63kg, 59,5kg, 65kg, 68kg, 61kg.

Kết luận định giá tài sản số 124 ngày 04/7/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố B kết luận:

- 63 kg đồng mạ thiếc, loại đồng phế liệu trị giá tại thời điểm tháng 5/2023 là 6.300.000 đồng

- 59,5 kg đồng mạ thiếc, loại đồng phế liệu trị giá tại thời điểm tháng 5/2023 là 5.950.000 đồng.

- 65 kg đồng mạ thiếc, loại đồng phế liệu trị giá tại thời điểm tháng 5/2023 là 6.500.000 đồng.

- 68 kg đồng mạ thiếc, loại đồng phế liệu trị giá tại thời điểm tháng 5/2023 là 6.800.000 đồng.

- 61 kg đồng mạ thiếc, loại đồng phế liệu trị giá tại thời điểm tháng 5/2023 là 6.100.000 đồng.

Tổng cộng: 31.650.000 đồng.

Ngày 06/7/2023, Cơ quan điều tra cho Liêu Văn H, Khổng Trọng L, Thân Đức S, Lương Văn S1 thực nghiệm hành vi trộm cắp tài sản. Kết quả, L thực hiện động tác sử dụng xe nâng vận chuyển pallet đồng phế liệu bộ phận SSC xưởng B2 ra vị trí gần tường rào xưởng B2 rồi hạ pallet đồng xuống lấy bạt phủ lại. H và L thực hiện động tác lấy đồng cho vào các bao tải nhỏ rồi đem đi cất giấu. Thân Đức S, Lương Văn S1 thực hiện động tác điều khiển xe mô tô đến vị trí cất giấu, cho bao tải đồng vào cốp xe để vận chuyển ra ngoài phù hợp lời khai.

Cơ quan điều tra đã trưng cầu giám định 01 đĩa DVD-R có chứa tổng số 20 file video do anh Thân Văn D1 cung cấp. Kết luận giám định số 1634/KL-KTHS ngày 05/9/2023 của Phòng K Công an tỉnh B kết luận: Không phát hiện dấu vết cắt ghép nội dung hình ảnh trong các file video được lưu trữ trong 01 đĩa DVD-R gửi giám định.

Cơ quan điều tra đã cho Liêu Văn H, Thân Đức S, Lương Văn S1 xem các đoạn video đã thu giữ. Kết quả các bị cáo xác định có hình ảnh các bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp đồng phế liệu của Công ty S2.

Về thu giữ vật chứng, trách nhiệm dân sự: Các bị cáo đã góp tổng số tiền 15.070.000 đồng nhờ ông **Thân Văn B1** (là bố của **Thân Đức S**) chuộc lại toàn bộ 150,7kg đồng phế liệu đã bán cho bà **Phạm Thị Y** và giao nộp cho Cơ quan điều tra số đồng phế liệu này. Cơ quan điều tra đã trả lại **Công ty S2** số đồng phế liệu đã thu giữ. **Công ty S2**, bà **Phạm Thị Y** không yêu cầu các bị cáo bồi thường.

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Lead biển số 98B2 – 94145. Kết quả điều tra xác định là của chị **Thân Thị P** là chị gái của **Thân Đức S** cho **S** mượn để đi làm, Cơ quan điều tra nhập kho để quản lý theo quy định.

Tại Bản Cáo trạng số 193/CT-VKS ngày 05 tháng 10 năm 2023, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Giang truy tố các bị cáo **Liêu Văn H**, **Khổng Trọng L**, **Thân Đức S**, **Lương Văn S1** về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Với nội dung trên bản án hình sự sơ thẩm số 237/2023/HSST ngày 11/12/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang đã xét xử và quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; khoản 1 Điều 38; khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự.

Căn cứ khoản 3 Điều 106; khoản 2 Điều 136; Điều 292; Điều 331; Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hình phạt:

1.1. Xử phạt bị cáo **Liêu Văn H** 02 năm 03 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án nhưng được trừ thời gian bị tạm giữ từ ngày 27/6/2023 đến ngày 06/7/2023.

1.2. Xử phạt bị cáo **Khổng Trọng L** 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án nhưng được trừ thời gian bị tạm giữ từ ngày 02/7/2023 đến ngày 06/7/2023.

1.3. Xử phạt bị cáo **Thân Đức S** 01 năm 03 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án nhưng được trừ thời gian bị tạm giữ từ ngày 27/6/2023 đến ngày 06/7/2023.

1.4. Xử phạt bị cáo **Lương Văn S1** 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án nhưng được trừ thời gian bị tạm giữ từ ngày 27/6/2023 đến ngày 06/7/2023.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi cấp sơ thẩm xét xử xong, ngày 20/12/2023, bị cáo **Thân Đức S**, **Lương Văn S1**, **Liêu Văn H**, **Khổng Trọng L** kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo được hưởng án treo.

Tại phiên toà phúc thẩm: Các bị cáo đều thừa nhận việc truy tố, xét xử các bị cáo là đúng người, đúng tội, không oan sai gì. Các bị cáo vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo là xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo để có cơ hội sửa chữa sai phạm.

Đại diện VKSND tỉnh Bắc Giang thực hành quyền công tố tại phiên toà, sau khi phân tích các tình tiết của vụ án, tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội do bị cáo gây ra, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, các vấn đề kháng cáo mà bị cáo nêu ra đã kết luận các bị cáo **Liêu Văn H** và **Khổng Trọng L** chỉ có ý thức chiếm đoạt 01 bao đồng sau đó chia nhỏ ra đem cất giấu. Hành vi của các bị cáo đã hoàn thành về mặt hành vi tuy nhiên chưa hoàn thành về mặt hậu quả. Cấp sơ thẩm xác định các bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "Phạm tội hai lần trở lên" theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS là không có căn cứ, gây bất lợi cho các bị cáo. Sau khi chia nhỏ và cất giấu, **H** và **L** thông báo cho **Thân Đức S**, **Lương Văn S1** để **Thân Đức S**, **Lương Văn S1** vận chuyển ra khỏi Công ty **Đ** đi tiêu thụ. Do đó, **Thân Đức S** và **Lương Văn S1** đồng phạm với **Liêu Văn H** và **Khổng Trọng L** về hành vi trộm cắp tài sản với số lượng đồng 467,2kg. Các bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "Phạm tội hai lần trở lên" theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS, hành vi của các bị cáo thuộc trường hợp phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 BLHS. Do đó, đề nghị HĐXX áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự 2015 chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo **Thân Đức S**, **Lương Văn S1**, **Liêu Văn H**, **Khổng Trọng L**, sửa bản án sơ thẩm.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b,i,s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự.

1.1. Xử phạt bị cáo **Liêu Văn H** 02 năm 03 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 04 năm 06 tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm 23/5/2024.

Giao các bị cáo **Liêu Văn H** cho UBND xã **H**, huyện **L**, tỉnh Bắc Giang giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

1.2. Xử phạt bị cáo **Khổng Trọng L** 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 04 năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm 23/5/2024.

Giao bị cáo **Khổng Trọng L** cho UBND xã **T**, huyện **B** giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

1.3. Xử phạt bị cáo **Thân Đức S** 01 năm 03 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 02 năm 06 tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm 23/5/2024.

Giao các bị cáo **Thân Đức S** cho UBND xã **T**, huyện **Y**, tỉnh Bắc Giang giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

1.4. Xử phạt bị cáo **Lương Văn S1** 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 24 tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm 23/5/2024.

Giao bị cáo **Lương Văn S1** cho **UBND xã xã Y, huyện H, tỉnh Lạng Sơn** giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Luật sư **L2** và Trợ giúp viên pháp lý **V** đều đồng ý với quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, không tranh luận gì thêm.

Bị cáo **Liêu Văn H, Khổng Trọng L, Thân Đức S, Lương Văn S1** nói lời sau cùng: Bị cáo rất ăn năn hối cải về hành vi của mình, mong HĐXX cho bị cáo được hưởng án treo để làm lại cuộc đời và sửa sai lỗi lầm của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của bị cáo **Thân Đức S, Lương Văn S1, Liêu Văn H, Khổng Trọng L** nộp theo đúng các quy định của pháp luật nên được coi là đơn kháng cáo hợp pháp cần được chấp nhận để xem xét.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa là thống nhất, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra. Căn cứ lời khai của các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, Kết luận định giá tài sản số 124/KL-HĐĐG ngày 04/7/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự **thành phố B**, dữ liệu hình ảnh camera thu giữ và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa có đủ cơ sở xác định:

Tháng 5/2023, bị cáo **Liêu Văn H, Khổng Trọng L** dùng xe nâng của **Công ty TNHH S2** vận chuyển 467,2 kg đồng phế liệu từ bên trong xưởng B2 đem cất giấu tại khu vực gần tường rào và lấy bạt che lại, mục đích để vận chuyển ra bên ngoài bán.

Ngày 25/6/2023, **Liêu Văn H, Khổng Trọng L** rủ **Thân Đức S**, sau đó **Thân Đức S** rủ thêm **Lương Văn S1** cùng tham gia trộm cắp đồng phế liệu của **Công ty TNHH S2**. Bị cáo **Liêu Văn H**, bị cáo **Khổng Trọng L** lấy đồng phế liệu đóng sang bao nhỏ và cất giấu; bị cáo **Thân Đức S**, bị cáo **Lương Văn S1** đến vị trí cất giấu để lấy mang về xưởng B6, đợi khi hết giờ làm việc thì mang ra ngoài bán. Từ ngày 19/6/2023 đến ngày 26/6/2023, các bị cáo đã cùng nhau thực hiện liên tục, kế tiếp nhau về mặt thời gian **06 lần vận chuyển** lấy được tổng số 150,7 kg đồng phế liệu của **Công ty TNHH S2** (trong tổng 467,2 kg đã cất giấu) với tổng trị giá 15.070.000 đồng. Sau khi bán số đồng đã trộm cắp, bị cáo **Liêu Văn H** được chia 4.100.000 đồng; bị cáo **Khổng Trọng L** được chia 3000.000 đồng;

bị cáo **Thân Đức S** được chia 4.170.000 đồng; bị cáo **Lương Văn S1** được chia 3.800.000 đồng.

Bị cáo **Liêu Văn H**, **Khổng Trọng L** đã trộm cắp vận chuyển 467,2 kg đồng phế liệu từ bộ phận SSC xưởng B2 ra bên ngoài cất giấu. Sau đó, các bị cáo **Liêu Văn H**, **Khổng Trọng L**, **Thân Đức S**, **Lương Văn S1** đã lấy và mang bán được 150,7 kg đồng phế liệu, còn lại 316,5 kg đồng đã cất giấu chưa vận chuyển được ra bên ngoài để bán do bị **Công ty TNHH S2** phát hiện. Như vậy, bị cáo **Liêu Văn H**, **Khổng Trọng L** phải chịu trách nhiệm hình sự với khối lượng đồng phế liệu đã đem bán là 150,7 kg và 316,5 kg đồng đã cất giấu, tổng cộng là 467,2 kg, có trị giá 46.720.000 đồng.

Bị cáo **Thân Đức S**, **Lương Văn S1** tham gia trộm cắp tài sản sau khi bị cáo **L**, bị cáo **H** đã lấy được 467,2 kg đồng mang cất giấu và chỉ thực hiện vận chuyển, tiêu thụ số đồng phế liệu đã đóng sẵn vào các bao tải dứa nhỏ là 150,7kg. Tuy nhiên hai bị cáo đã được bị cáo **H** và bị cáo **L** thông báo sau khi đã lấy được 467,2 kg đồng mang cất giấu. Do vậy, xác định bị cáo **Thân Đức S**, **Lương Văn S1** vẫn phải chịu trách nhiệm hình sự với khối lượng đồng phế liệu trộm cắp là 467,2kg trị giá 46.720.000 đồng với tư cách đồng phạm với **H** và **L**.

Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, đạt độ tuổi được quy định tại Bộ luật Hình sự. Các bị cáo thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản với lỗi cố ý, đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

[3] Xét kháng cáo của các bị cáo thì thấy:

- Về vai trò các bị cáo: Bị cáo **Liêu Văn H** là người khởi xướng việc trộm cắp tài sản, khối lượng, trị giá tài sản trộm cắp lớn nên có vai trò cao nhất. Bị cáo **Khổng Trọng L** là người trực tiếp lấy tài sản mang đi cất giấu, khối lượng, trị giá tài sản trộm cắp lớn nên có vai trò thứ hai. Bị cáo **Thân Đức S** trực tiếp mang tài sản trộm cắp đi tiêu thụ, khối lượng, trị giá tài sản trộm cắp ít hơn bị cáo **H**, bị cáo **L** nên có vai trò thứ ba. Bị cáo **Lương Văn S1** có vai trò sau cùng.

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bản án sơ thẩm xác định các bị cáo đều phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “phạm tội 02 lần trở lên” theo điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Xét thấy: Căn cứ vào kết quả điều tra thì: Tháng 5/2023, **Liêu Văn H** phát hiện thấy có nhiều đồng (loại đồng mạ thiếc phế liệu đã qua sử dụng để sản xuất trong các bao tải) của **Công ty TNHH S2** để bên trong khu SSC xưởng B2 nên nảy sinh ý định trộm cắp. **H** rủ **L** cùng trộm cắp thì **L** đồng ý tham gia. **H** nói với **L** dùng xe nâng của Công ty để vận chuyển pallet đồng phế liệu ra bên ngoài xưởng B2 cất giấu sau đó sẽ tìm cách vận chuyển ra bên ngoài rồi bán lấy tiền. Một ngày sau, **L** dùng xe nâng của Công ty chuyển 01 pallet chứa 01 bao tải đựng đồng mạ thiếc phế liệu nặng khoảng hơn 400kg từ bên trong xưởng B2 đem cất giấu tại khu vực gần tường

rào cách xưởng B2 khoảng 30m và lấy bật che lại. Sau đó, L thông báo cho H biết là đã trộm cắp được một bao đồng. Như vậy, tài sản bị trộm cắp chính là một bao tải trong có đựng đồng phế liệu và được xác định khối lượng là 467,2kg. Việc L, H thay nhau chia bao đồng lớn có tổng trọng lượng 467,2kg thành từng bao nhỏ rồi đem cất giấu tại bên ngoài xưởng B2, khu vực cuối xưởng X1 và lấy bật che đây lại để cho Thân Đức S, Lương Văn S1 mang về xưởng B6, đợi khi hết giờ làm việc thì Thân Đức S mang ra ngoài cất giấu và đem đi tiêu thụ (mới tiêu thụ được 150,7 kg/ tổng 467,2kg) chỉ là cách thức mà các bị cáo lén lút, bí mật dịch chuyển tài sản ra khỏi sự quản lý của chủ tài sản, cất giấu tài sản, chia nhỏ tài sản trộm cắp được để mang đi tiêu thụ. Việc Thân Đức S, Lương Văn S1 đồng phạm với H, L về tội trộm cắp tài sản do tiếp nhận ý chí và giúp sức H, L và thực hiện vận chuyển, tiêu thụ số đồng 150,7kg trong tổng số một bao đồng nặng 467,2kg đã H, L trộm cắp chuyển ra ngoài cổng là phương thức thực hiện tội phạm hoàn thành, do vậy cần xác định hai bị cáo này cũng chỉ phạm tội 01 lần đối với tài sản mà H và L trộm cắp. Do đó, việc Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào việc các bị cáo H, L chia nhỏ một bao phế liệu đồng to, chia thành từng bao nhỏ đem ra ngoài cất giấu và đem bán lấy tiền chia nhau với số lượng đồng được chia nhỏ và đem bán trót lọt trong 6 lần vận chuyển và bán là 150,7 kg là 06 lần phạm tội trộm cắp để áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "Phạm tội hai lần trở lên" theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS là không có căn cứ, gây bất lợi cho các bị cáo. HĐXX phúc thẩm nhận định các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo khai báo thành khẩn về hành vi phạm tội; sau khi phạm tội đã bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả cho bị hại và đầu thú; bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, các bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Bị cáo Thân Đức S có thời gian tham gia quân ngũ. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự Hội đồng xét xử áp dụng để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

Các bị cáo Thân Đức S, Lương Văn S1, Liêu Văn H, Khổng Trọng L kháng cáo xin hưởng án treo.

Tại Tòa án cấp phúc thẩm, bị cáo Liêu Văn H, Khổng Trọng L, Thân Đức S nộp thêm tài liệu mới là biên lai nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm thể hiện ý thức chấp hành pháp luật của các bị cáo. Bị cáo Liêu Văn H, Khổng Trọng L tham gia ủng hộ Quỹ vì người nghèo xã H ngày 15/10/2023 và nhận được Thư Cảm ơn của Chủ tịch UBMTTQ xã H thể hiện các bị cáo có ý thức thiện nguyện, vì cộng đồng. Đây là các tình tiết mới phát sinh và cần áp dụng là tình

tiết giảm nhẹ quy định tại Khoản 2 Điều 51 BLHS cho các bị cáo. Bị cáo **Lương Văn S1** không có tình tiết giảm nhẹ nào mới.

Xét thấy: các bị cáo **Liêu Văn H**, **Khổng Trọng L**, **Thân Đức S**, **Lương Văn S1** phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, hiện nay đang có công việc ổn định và lao động chính trong gia đình, quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo khai báo thành khẩn về hành vi phạm tội; sau khi phạm tội đã bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả cho bị hại và đầu thú; bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo; Bị cáo **Thân Đức S** có thời gian tham gia quân ngũ nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Tại cấp phúc thẩm, các bị cáo **Liêu Văn H**, **Khổng Trọng Long** cung cấp thêm được nhiều tài liệu, chứng cứ mới là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự như đã phân tích ở trên. Căn cứ khoản 5.6 Điều 3 của Nghị quyết số 02/VBHN-TANDTC ngày 07/9/2022 hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự về án treo, các bị cáo có đủ điều kiện để được hưởng án treo, giao các bị cáo cho chính quyền địa phương nơi các bị cáo cư trú, giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách như ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tại phiên tòa phúc thẩm đã đề nghị nhằm thể hiện tính nhân đạo của pháp luật Xã hội chủ nghĩa.

Do đó, các bị cáo có đủ điều kiện để được hưởng án treo theo quy định tại Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 và Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; có căn cứ chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của các bị cáo **Liêu Văn H**, **Khổng Trọng L**, **Thân Đức S**, **Lương Văn S1**, sửa án sơ thẩm, giữ nguyên mức hình phạt chuyển cho các bị cáo hưởng án treo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát cũng đủ điều kiện giáo dục bị cáo thành người tốt.

[4] Về án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo các bị cáo **Thân Đức S**, **Lương Văn S1**, **Liêu Văn H**, **Khổng Trọng L** được chấp nhận nên các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015: Chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của các bị cáo **Liêu Văn H**, **Khổng Trọng L**, **Thân Đức S**, **Lương Văn S1**. Sửa bản án hình

sự sơ thẩm số 237/2023/HSST ngày 11/12/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự.

1.1. Xử phạt bị cáo **Liêu Văn H** 02 năm 03 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 04 năm 06 tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm 23/5/2024.

Giao bị cáo **Liêu Văn H** cho **UBND xã H, huyện L, tỉnh Bắc Giang** giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

1.2. Xử phạt bị cáo **Khổng Trọng L** 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 04 năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm 23/5/2024.

Giao bị cáo **Khổng Trọng L** cho **UBND xã U, huyện B, tỉnh Hà Giang** giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

1.3. Xử phạt bị cáo **Thân Đức S** 01 năm 03 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 02 năm 06 tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm 223/5/2024.

Giao bị cáo **Thân Đức S** cho **UBND xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang** giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

1.4. Xử phạt bị cáo **Lương Văn S1** 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 02 năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm 223/5/2024.

Giao bị cáo **Lương Văn S1** cho **UBND xã xã Y, huyện H, tỉnh Lạng Sơn** giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

** Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.*

** Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 93 Luật thi hành án hình sự.*

2. Án phí:

2.1 Về án phí hình sự sơ thẩm: Xác nhận bị cáo **Liêu Văn H** đã nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo biên lai số 0001126 ngày 21/5/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bắc Giang.

Xác nhận bị cáo **Khổng Trọng L** đã nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo biên lai số 0001127 ngày 21/5/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bắc Giang.

Xác nhận bị cáo **Thân Đức S** đã nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo biên lai số 0001031 ngày 20/12/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bắc Giang.

2.2 Về hình sự phúc thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội:

Các bị cáo **Thân Đức S**, **Lương Văn S1**, **Liêu Văn H**, **Khổng Trọng L** không phải chịu tiền án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Sở tư pháp tỉnh Bắc Giang;
- Công thông tin điện tử Tòa án;
- CA, VKS, TA TP. Bắc Giang;
- Chi cục THADS TP. Bắc Giang;
- Bị cáo;
- Lưu HS, HCTP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đặng Văn Quyết